

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẬU LỘC
TỈNH THANH HÓA**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 127/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 18-8-2021

V/v “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con
khi ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẬU LỘC – TỈNH THANH HÓA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán: Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Văn Sang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phan Văn Lâm
2. Ông Lê Nam Văn

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hậu Lộc tham gia phiên tòa:

Bà Hà Thị Quy – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 93/2021/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự,

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thế ph, sinh năm 1980.

Nơi ĐKKHKT: Thôn Thành Đ, xã Thành L, huyện Hậu L, Thanh H.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT: Thôn Thành Đ, xã Thành L, huyện Hậu L, Thanh H.

Tại phiên tòa vắng mặt anh Ph, chị L (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện ngày 22/6/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Thế ph trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng L, huyện Hậu L ngày 02/12/2005. Sau khi kết hôn về chung sống nhưng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Mặc dù cả hai đều cố gắng nhường nhịn để tình cảm vợ chồng hòa thuận nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không khắc phục được. Chung sống đến năm 2017 thì vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

Về con chung: Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thế Q, sinh ngày 11/3/2007 và Nguyễn Thị M, sinh ngày 30/3/2017. Ly hôn anh Ph đề nghị Tòa án giải quyết mỗi người nuôi một con, anh nuôi cháu Quý, chị L nuôi cháu M. Hai bên không

phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 02 cây vàng (9999) do anh Ph đang cất giữ. Ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị L gửi bản tự khai trình bày: Chị và anh Nguyễn Thế ph kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đồng Lộc, huyện Hậu Lộc ngày 02/12/2005. Sau khi kết hôn về chung sống nhưng vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên nhiều lần vợ chồng xảy ra cãi vã lẫn nhau. Cả hai đã cố gắng nhường nhịn để tình cảm vợ chồng hòa thuận nhưng không có kết quả, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ năm 2017 đến nay vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm gì đến nhau. Nay anh Ph đề nghị ly hôn chị cũng đồng ý.

Vợ chồng có hai con chung là Nguyễn Thế Q, sinh ngày 11/3/2007 và Nguyễn Thị M, sinh ngày 30/3/2017. Ly hôn chị đề nghị nuôi cháu M, anh Ph nuôi cháu Q. Hai bên tự thỏa thuận về việc cấp dưỡng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 02 cây vàng (9999) do anh Ph đang cất giữ. Ly hôn vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do bận công việc nên chị L đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị xét xử vụ án vắng mặt chị.

Xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp được biết: Do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn cãi vã lẫn nhau nên khoảng ba năm gần đây chị L đã bỏ đi làm ăn thỉnh thoảng mới về; Làm việc tại Tòa án về việc xem xét nguyện vọng của con, cháu Nguyễn Thế Q nguyện vọng muốn ở với bố khi bố mẹ ly hôn.

**Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:*

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký phiên tòa và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thế ph. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

+ *Về hôn nhân:* Xử cho anh Nguyễn Thế ph được ly hôn đối với chị Nguyễn Thị L.

+ *Về con chung:* Giao con chung là Nguyễn Thế Q cho anh Ph trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị M cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

+ *Về tài sản chung:* Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

- + *Về công nợ*: Vợ chồng không có công nợ chung nên miễn xét.
- + *Về án phí*: Anh Ph phải nộp án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Nguyễn Thị L có địa chỉ thường trú tại thôn Thành Đ, xã Thành L, huyện Hậu L, tỉnh Thanh H. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hậu Lộc theo quy định tại Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được, Tòa án công khai chứng cứ và gửi kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho chị Nguyễn Thị L theo quy định tại khoản 3 Điều 210 BLTTDS.

Anh Nguyễn Thế ph và chị Nguyễn Thị L có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 của BLTTDS xét xử vụ án vắng mặt anh Nguyễn Thế ph và chị Nguyễn Thị L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Thế ph và chị Nguyễn Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đồng Lộc, huyện Hậu Lộc ngày 02/12/2005 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống nhưng thường xuyên nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã nhau. Cả hai đã cố gắng nhường nhịn để vợ chồng hòa hợp nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ năm 2017 đến nay không ai quan tâm đến ai. Anh Ph xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn chị L. Đối với chị Nguyễn Thị L công nhận tình trạng hôn nhân đúng như anh Ph trình bày nên cũng nhất trí ly hôn.

Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh Ph và chị L đã mâu thuẫn trầm trọng. Vợ chồng đã ly thân từ năm 2017 đến nay, không còn quan tâm tình cảm gì với nhau. Xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Thế ph, cho anh Ph được ly hôn chị L là phù hợp khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Thế Q, sinh ngày 11/3/2007 và Nguyễn Thị M, sinh ngày 30/3/2017. Ly hôn anh Phú và chị L đề nghị mỗi người nuôi một con, anh Ph nuôi cháu Q, chị L nuôi cháu M. Không đề nghị về cấp dưỡng.

Xét thấy đề nghị của anh Ph và chị L là phù hợp về quyền lợi của mỗi bên và phù hợp với nguyện vọng của con. HĐXX chấp nhận yêu cầu của anh Ph, giao con chung là Nguyễn Thế Q cho anh Ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giao cháu Nguyễn Thị M cho chị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Hai bên tự thỏa thuận về việc cấp

dưỡng, không yêu cầu nên miễn xét.

- *Về tài sản*: Đương sự không yêu cầu nên miễn xét.

- *Về công nợ*: Vợ chồng không có công nợ chung nên miễn xét.

[3] Về án phí: Anh Nguyễn Thế ph phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

*** Căn cứ**: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1,3 Điều 228; khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 58, Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc Hội.

*** Xử**: Vắng mặt anh Nguyễn Thế ph và chị Nguyễn Thị L.

- *Về hôn nhân*: Anh Nguyễn Thế ph được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

- *Về con chung*: Giao con chung là Nguyễn Thế Q, sinh ngày 11/3/2007 cho anh Nguyễn Thế ph trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Thị M cho chị Nguyễn Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng hai bên không đề nghị nên miễn xét.

Anh Ph, chị L có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau khi ly hôn không ai được ngăn cấm. Vì quyền lợi của con chung các đương sự được quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn.

***Về án phí**: Anh Nguyễn Thế ph phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Phú đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2019/0008189 ngày 24 tháng 6 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hậu L, tỉnh Thanh H.

Anh Ph, chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ khi nhận được bản sao bản án (hoặc) bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo QĐ tại các điều 6,7 và 9 luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hậu L;
- Chi cục THADS H. Hậu L;
- UBND xã Đồng L, H Hậu L;
- Tòa án ND tỉnh Thanh H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Văn Sang

HỘI ĐỒNG XÉT SỬ SƠ THẨM
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Cao Văn Sang